BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 14/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn/phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

1. Đến thời điểm báo cáo, Bộ Công Thương đã nhận được 30/30 ý kiến gồm: 07 Bộ, 22 tỉnh/thành phố giáp biên giới, 01 ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Kết quả cụ thể như sau:

Qua tổng hợp ý kiến, Bộ Công Thương nhận thấy có 03/07[1] Bộ, 19/22[2] tỉnh/thành phố có ý kiến nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới

Ngoài ra, các Bộ, địa phương và các đơn vị liên quan có một số ý kiến bổ sung, Bộ Công Thương giải trình tiếp thu ý kiến đối với các ý kiến này như sau:

---

[1] Ngoại giao, Quốc phòng, Tài chính

[2] Huế, Đà Nẵng, Đồng Nai, An Giang, Cao Bằng, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thanh Hóa, Tuyên Quang.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ			
Sự cần thiết ban hành Nghị định	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Tờ trình gửi kèm Công văn số 6366/BCTXNK nêu trên đã có các nội dung về cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 28/07/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19-5-2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có yêu cầu “trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù	Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ kèm theo, bảo đảm phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan; trong đó chú trọng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại biên giới, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lợi ích nhóm trong xây dựng, thi hành pháp luật.

		hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo" (Mục 2.1 Phần III); Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu "đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm" (Mục 2 Phần III); Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, trong đó không được "chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ" (điểm d khoản 2 Điều 9); Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; tuân thủ Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ VI Quốc hội khoá XV, trong đó quy định về việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi	

		tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (Mục 3 Nghị quyết). Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để bảo đảm thực hiện đúng chủ trương "đẩy mạnh phân cấp, phân quyền" theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị Trung ương 10, khoá XIII và các chỉ đạo khác có liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	
Về phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP và sự cần thiết ban hành Nghị định	Bộ Tư pháp	Tại Mục I.2 dự thảo Tờ trình gửi kèm Công văn số 6366/BCT-XNK, Bộ Công Thương đề xuất dự thảo Nghị định tập trung sửa đổi quy định về phân cấp để đảm bảo tính liên tục của quy định tại Điều 32 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP nêu trên hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy việc ban hành một Nghị định riêng chỉ để sửa đổi duy nhất 01 khoản (khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát tổng thể Nghị định số 14/2018/NĐ-CP và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung khác tại dự thảo Nghị định và hoàn thiện Tờ trình Chính phủ, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật.

		CP) có thể chưa tối ưu về mặt chi phí và nguồn lực xây dựng pháp luật. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương rà soát tổng thể các quy định của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP cũng như các vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 14/2018/NĐ-CP (nếu có) để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trong trường hợp Bộ Công Thương nhận thấy các quy định hiện hành của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP chưa có vướng mắc, chưa cần sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương nêu rõ tại Tờ trình Chính phủ.	
Cơ sở pháp lý	Bộ Nội vụ	Đề nghị cân nhắc nêu rõ điều, khoản, điểm của quy định làm cơ sở pháp lý xây dựng Nghị định tại điểm b khoản 1 Mục I dự thảo Tờ trình.	Nội dung tại điểm b khoản 1 Mục I dự thảo Tờ trình nhằm trình bày cơ sở pháp lý chung cho việc xây dựng Nghị định, trong đó các văn bản được viện dẫn là căn cứ xác định thẩm quyền, phạm vi và yêu cầu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP. Do đó, việc viện dẫn cụ thể đến từng điều, khoản, điểm của các văn bản làm cơ sở pháp lý là không cần thiết và có thể làm nội dung Tờ trình trở nên dàn trải. Các quy định cụ thể có liên quan đã được rà soát, đối chiếu và thể hiện tại khoản 2 Mục I dự thảo Tờ trình.
Cơ sở pháp lý	Vụ Pháp chế - Bộ Công	Tại trang 2 dự thảo Tờ trình, đề nghị không đưa Nghị định số 14/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã đưa Nghị định số 14/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

	Thương	122/2024/NĐ-CP) vào cơ sở pháp lý đối với sự cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung.	122/2024/NĐ-CP) ra ngoài cơ sở pháp lý tại dự thảo Tờ trình.
Cơ sở thực tiễn	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương, Tỉnh Cao Bằng	Đề nghị sửa lại thời gian ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương là ngày 16 tháng 6 năm 2025.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh tại dự thảo Tờ trình.
Cơ sở thực tiễn	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị thuyết minh đầy đủ sự cần thiết của phương án giao Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP hết hiệu lực, trong bối cảnh Báo cáo tổng kết nêu chưa phát sinh trường hợp thực hiện thẩm quyền đã phân cấp cho địa phương; đồng thời so sánh với phương án tiếp tục phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm phù hợp chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và có đủ cơ sở lựa chọn chính sách.	Việc tiếp tục giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP hết hiệu lực là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; đồng thời giảm đầu mối, rút ngắn thời gian xử lý và bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.
Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị sửa cách diễn đạt về thời điểm hết hiệu lực của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP tại dự thảo Tờ trình cho chính xác, theo hướng "hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027"; đồng thời rà soát để bảo đảm thời điểm có hiệu lực của Nghị định mới không làm phát sinh khoảng trống pháp lý.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh theo hướng "hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027"
Tính đầy đủ của Tờ trình Chính	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công Thương bổ sung các mục còn bỏ trống, chưa có nội	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã bổ sung đầy đủ các nội dung tại dự thảo Tờ

phủ		dung (Ví dụ: Mục IV.1, Mục V...) để bảo đảm đầy đủ. Bên cạnh đó, đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục rà soát để bảo đảm dự thảo Tờ trình có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.	trình.
Mục III Dự thảo Tờ trình (Quá trình xây dựng dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại Mục III, dự thảo Tờ trình nêu bước (2) là xây dựng Báo cáo đánh giá tác động về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP và Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan, nhưng hồ sơ gửi lấy ý kiến chưa có các tài liệu này. Đề nghị rà soát yêu cầu về thành phần hồ sơ theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn; nếu thuộc trường hợp phải lập thì bổ sung đầy đủ, nếu không thuộc trường hợp phải lập thì chỉnh lý nội dung mô tả quy trình cho phù hợp. Đồng thời, cần bổ sung bước gửi hồ sơ thẩm định Bộ Tư pháp và ghi rõ tên, thời điểm của các tài liệu đã thực hiện trước khi trình Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh nội dung bước 2 Mục III dự thảo Tờ trình như sau: *(2) Rà soát các quy định, đánh giá, xây dựng dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới và dự thảo Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.*

Mục IV Dự thảo Tờ trình (Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định số 14/2018/NĐ-CP)	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Tỉnh Cao Bằng	Bổ sung cụ thể hơn phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại Điểm 1, mục IV (trang 5) dự thảo Tờ trình Chính phủ.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến. Cơ quan soạn thảo đã bổ sung, làm rõ tại Điểm 1 Mục IV dự thảo Tờ trình. Theo đó, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 14/2018/NĐ-CP không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định hiện hành. Nghị định sửa đổi, bổ sung tiếp tục áp dụng đối với hoạt động thương mại biên giới theo phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 và các đối tượng gồm thương nhân, cư dân biên giới và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới theo Điều 2 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.
Mục V Dự thảo Tờ trình (Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo văn bản gửi thẩm định)	Tỉnh Cao Bằng	Tại Mục V, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thể hiện rõ "Không có" hoặc bổ sung nội dung thuyết minh phù hợp để đảm bảo đầy đủ các nội dung của Tờ trình.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại dự thảo Tờ trình.
II. DỰ THẢO 2 CỦA NGHỊ ĐỊNH			
Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	Thành phố Quảng Ninh, Tỉnh Lai Châu, Tỉnh Lào Cai, Tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh Điện Biên	Tại Điều 1, dự thảo đang đặt tên là "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới". Tuy nhiên, nội dung Điều 1 chỉ thực hiện sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, không sửa đổi nhiều điều	Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung khác tại dự thảo Nghị định; đồng thời chỉnh lý tên gọi và bố cục Điều 1, bảo đảm phù hợp với phạm vi sửa đổi, bổ sung và thống nhất về kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

		của Nghị định. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa tên Điều 1 và bố cục, cách thể hiện nội dung của Điều 1 cho phù hợp với phạm vi sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính thống nhất, khoa học và chặt chẽ của dự thảo Nghị định.	
Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Trường hợp dự thảo Nghị định chỉ sửa đổi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, đề nghị chỉnh lý Điều 1 theo hướng quy định trực tiếp: "Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới", đồng thời bỏ số thứ tự "1." trước nội dung sửa đổi để bảo đảm kỹ thuật trình bày văn bản.	Tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan soạn thảo đã rà soát tổng thể Nghị định số 14/2018/NĐ-CP và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung khác tại dự thảo Nghị định. Theo đó, cơ quan soạn thảo giữ nguyên tên Điều tại dự thảo Nghị định.
Tính thống nhất của thuật ngữ trong dự thảo Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đối với khoản 3 Điều 6, đề nghị ưu tiên sử dụng đúng thuật ngữ của Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương là "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới" và "cửa khẩu khác, nơi mở ra cho qua lại biên giới", thay vì tạo khái niệm "các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới".	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh lý khoản 3 Điều 6 tại dự thảo Nghị định theo hướng bảo đảm thống nhất với Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương, sử dụng thuật ngữ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới". Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo không tiếp thu đối với đề nghị sử dụng thuật ngữ "cửa khẩu khác, nơi mở ra cho qua lại biên giới" do khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định điều chỉnh trường hợp mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Do đó, việc

			sử dụng thuật ngữ "cửa khẩu khác, nơi mở ra cho qua lại biên giới" theo Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương là không phù hợp với phạm vi trường hợp được điều chỉnh tại khoản này và có thể dẫn đến cách hiểu đồng nhất hai trường hợp có tính chất khác nhau.
Về phân định thẩm quyền giữa Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý hoạt động thương mại biên giới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát lại toàn bộ cơ chế "báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép" để bảo đảm không chồng lấn hoặc làm thay đổi thẩm quyền mà khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương đã giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới. Trường hợp cơ quan soạn thảo xác định khoản 3 chỉ điều chỉnh một trường hợp đặc thù khác với khoản 2 Điều 54 Luật này thì cần quy định rõ tiêu chí, phạm vi, điều kiện áp dụng và căn cứ pháp lý của trường hợp đặc thù đó ngay trong Tờ trình và Bản thuyết minh để tránh cách hiểu mở rộng thẩm quyền bằng Nghị định.	Qua rà soát, cơ quan soạn thảo nhận thấy toàn bộ cơ chế "báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép" tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP bảo đảm không chồng lấn hoặc làm thay đổi thẩm quyền mà khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương đã giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới do trường hợp khác nhau.
Về quy trình, thủ tục và thời hạn phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với các bộ, ngành và Thủ tướng Chính	Tỉnh Điện Biên	Theo khoản 7 Điều 13 và khoản 6 Điều 14 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, khi thực hiện phân cấp hoặc ủy quyền mà cần điều chỉnh thủ tục hành chính, cơ quan ban hành văn bản phải bảo đảm "không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng". Dự thảo Nghị định mới chỉ quy định nguyên	Quy định tại dự thảo Nghị định về việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định là quy trình phối hợp, xử lý công việc giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, không phải là thủ tục hành chính áp dụng đối với cá nhân, tổ chức. Do đó, quy định này không làm phát sinh thêm thành

phủ		tắc "UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ..." nhưng chưa quy định rõ thành phần hồ sơ, thời hạn các Bộ ngành phải trả lời ý kiến phối hợp và thời hạn trình Thủ tướng xem xét. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định rõ một quy trình thủ tục hành chính liên thông, tinh gọn giữa UBND tỉnh với các Bộ chuyên ngành và Thủ tướng Chính phủ ngay trong văn bản để địa phương dễ dàng thực hiện đồng bộ.	phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện hoặc kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính đang áp dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 13 và khoản 6 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Việc dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ nhằm xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ chế phối hợp trong quá trình xem xét, xử lý từng trường hợp cụ thể. Thành phần hồ sơ, nội dung lấy ý kiến và thời gian phối hợp giữa các cơ quan nhà nước phụ thuộc vào tính chất, nội dung của từng vụ việc và được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của Chính phủ, quy chế làm việc và các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, việc quy định tại Nghị định một quy trình liên thông riêng, bao gồm thành phần hồ sơ, thời hạn trả lời của từng Bộ, ngành và thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ là không cần thiết, đồng thời có thể làm phát sinh quy trình mang tính cứng nhắc trong quá trình phối hợp, xử lý các trường hợp cụ thể.
Về xác định cơ quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại	Tỉnh Điện Biên	Theo dự thảo sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6: "3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đề xuất điều chỉnh nội dung này như sau: "*3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên*

khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.		hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trên cơ sở ý kiến cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước". Đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho cụ thể và phù hợp: "3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trên cơ sở ý kiến cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước".	*giới chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trên cơ sở ý kiến cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước*"
Về xác định cơ quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 3 Điều 6	Tỉnh Sơn La, tỉnh Tây Ninh	Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định (trang 1) về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định	Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP), cơ quan

Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.		rõ các cơ quan liên quan trong trường hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại các địa điểm khác ngoài cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh. Việc quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan sẽ góp phần bảo đảm cơ sở pháp lý, thống nhất quy trình phối hợp, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời tăng cường quản lý hoạt động thương mại, hàng hóa gắn với bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới.	soạn thảo đã điều chỉnh dự thảo theo hướng quy định rõ các bộ, cơ quan liên quan gồm các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng
Về quy định cụ thể điều kiện bảo đảm lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu vực biên giới.	Tỉnh Sơn La	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung điều khoản quy định việc các Bộ, ngành ban hành các quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới hoặc các địa điểm khác ngoài cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Đây là cơ sở quan trọng để UBND tỉnh trao đổi, thống nhất với các Bộ, ngành liên quan khi ra quyết định công bố danh mục các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới được phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại các địa điểm khác ngoài cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	Các yêu cầu về lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới và các địa điểm khác ngoài cửa khẩu phụ, lối mở biên giới liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu quản lý chuyên ngành của nhiều cơ quan khác nhau. Các điều kiện cụ thể về tổ chức lực lượng, trang thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng và yêu cầu quản lý thực tế tại từng khu vực biên giới. Việc bổ sung quy định giao các bộ, ngành ban hành riêng các quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại

		trên địa bàn tỉnh.	Nghị định này là không cần thiết, đồng thời có thể dẫn đến trùng lặp với các quy định của pháp luật chuyên ngành. Các bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan để xác định yêu cầu thuộc lĩnh vực quản lý của mình khi phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Về bổ sung điều kiện kết nối hạ tầng thương mại biên giới và vùng sản xuất tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 14/2018/NĐ-CP.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Đề nghị bổ sung vào khoản 3 Điều 6 tại Dự thảo Nghị định như sau: "…, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước; kết nối thuận lợi với vùng sản xuất, hạ tầng thương mại biên giới và khu vực cửa khẩu xuất khẩu hàng hóa qua biên giới."	Nội dung đề nghị bổ sung về "kết nối thuận lợi với vùng sản xuất, hạ tầng thương mại biên giới và khu vực cửa khẩu xuất khẩu hàng hóa qua biên giới" chủ yếu liên quan đến yêu cầu về kết nối, phát triển sản xuất, thương mại và hạ tầng khu vực biên giới, không phải là điều kiện trực tiếp phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và quản lý nhà nước tại các địa điểm nêu trên. Mặt khác, điều kiện thực tế về sản xuất, thương mại và kết nối hạ tầng tại từng khu vực biên giới có sự khác nhau; việc quy định các nội dung này thành điều kiện tại khoản 3 Điều 6 có thể làm hạn chế tính linh hoạt trong quá trình xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định.

Về bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới tại Điều 25 Nghị định 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh Tây Ninh	Kiến nghị xem xét cập nhật nhiệm vụ tại khoản 3 Điều 6 vào trách nhiệm của UBND các tỉnh biên giới tại Điều 25, Nghị định 14/2018/NĐ-CP	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới tại Điều 25 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau: "*7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này*"
Tính thống nhất của thuật ngữ trong dự thảo Nghị định	VCCI, Bộ Khoa học và Công nghệ	Về cụm từ "trên địa bàn tỉnh" tại khoản 3 Điều 6 được sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Dự thảo sửa đổi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo hướng giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới "trên địa bàn tỉnh". So với quy định hiện hành, đây là điểm mới được bổ sung nhằm giới hạn phạm vi thẩm quyền của mỗi địa phương theo địa giới hành chính. VCCI cho rằng định hướng giới hạn phạm vi thẩm quyền theo địa bàn quản lý là hoàn toàn hợp lý và cần thiết để tránh chồng lấn giữa các địa phương. Tuy nhiên, cách diễn đạt bằng cụm từ "trên địa bàn tỉnh" lại làm phát sinh một vấn đề về phạm vi áp dụng. Trong số các đơn vị hành chính cấp tỉnh có đường biên giới quốc gia trên đất	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh như sau: "*3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trên cơ sở ý kiến cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước*".

		liền hiện có các thành phố trực thuộc trung ương, điển hình là thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng, đều có đường biên giới đất liền và có của khẩu với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Nếu giữ nguyên cụm từ "trên địa bàn tỉnh", quy định có thể bị hiểu theo nghĩa hẹp là chỉ áp dụng đối với các đơn vị hành chính mang tên gọi "tỉnh", dẫn tới khoảng trống về thẩm quyền tại các thành phố trực thuộc trung ương có biên giới. Bên cạnh đó, cách diễn đạt này cũng chưa thống nhất với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017 sử dụng thuật ngữ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới" - một cách diễn đạt bao quát được cả tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, đồng thời vẫn giới hạn được phạm vi ở các địa phương có đường biên giới. Từ những phân tích trên, VCCI kính đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc bỏ chữ "tỉnh" trong cụm từ "trên địa bàn tỉnh", chỉ giữ lại cụm từ "trên địa bàn" để bảo đảm quy định áp dụng cho mọi đơn vị hành chính cấp tỉnh có đường biên giới, không phân biệt tên gọi là tỉnh hay thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời, đề nghị sử dụng thuật ngũ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới" thay cho "Ủy ban	

		nhân dân cấp tỉnh" để bảo đảm đồng bộ với khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, đồng thời làm rõ ngay trong điều luật rằng thẩm quyền này chỉ thuộc về các địa phương có đường biên giới quốc gia trên đất liền.	
Đối với dự thảo bản thuyết minh, so sánh			
Hoàn thiện Bản so sánh, thuyết minh và làm rõ cơ sở pháp lý, thẩm quyền thực hiện hoạt động thương mại biên giới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Dự thảo Nghị định chỉ sửa khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐCP, do đó có thể tinh gọn Bản so sánh, thuyết minh, tập trung vào quy định được sửa đổi, căn cứ pháp lý và Điều 2 của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, phần thuyết minh cần bổ sung rõ: (i) căn cứ và giới hạn pháp lý của loại địa điểm được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới; (ii) quan hệ giữa thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương; (iii) lý do lựa chọn phương án không tiếp tục cơ chế phân cấp tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.	- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung khác tại dự thảo Nghị định. - Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý Bản so sánh, thuyết minh, làm rõ căn cứ pháp lý, phạm vi áp dụng đối với các địa điểm thực hiện hoạt động thương mại biên giới, mối quan hệ về thẩm quyền giữa Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương và lý do lựa chọn phương án quy định tại dự thảo Nghị định thay cho cơ chế phân cấp tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau: 1. Về căn cứ và giới hạn pháp lý của các địa điểm được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới Khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương quy định hoạt động thương mại biên giới được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính; trường hợp thực hiện qua

			cửa khẩu khác, nơi mở ra cho qua lại biên giới phải đáp ứng các điều kiện và chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan. Trong thực tiễn, trước khi Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 14/2018/NĐ-CP được ban hành, tại một số địa phương biên giới đã hình thành các điểm xuất hàng, điểm thông quan phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu, như Km3+Km4, Đại Vai, Lục Chắn tại Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái và các điểm xuất hàng tại khu vực Bắc Phong Sinh, tỉnh Quảng Ninh. Xuất phát từ yêu cầu quản lý thực tiễn, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP đã quy định cơ chế xem xét, cho phép hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Dự thảo Nghị định kế thừa quy định này nhằm bảo đảm tính liên tục trong quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu hoạt động xuất nhập khẩu tại các địa phương biên giới. Tuy nhiên, việc áp dụng phải bảo đảm phù hợp với phạm vi địa điểm được Luật Quản lý ngoại thương cho phép, pháp luật về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền và các điều

			ước quốc tế có liên quan; không làm phát sinh loại hình cửa khẩu mới hoặc mặc nhiên cho phép hoạt động thương mại tại mọi địa điểm dọc biên giới. 2. Về mối quan hệ giữa thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quyết định, công bố danh mục các cửa khẩu khác và nơi mở ra cho qua lại biên giới được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới. Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP cụ thể hóa thẩm quyền này đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Trong khi đó, khoản 3 Điều 6 quy định cơ chế báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép đối với các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Dự thảo Nghị định tiếp tục phân định trách nhiệm theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đặc thù; đồng thời chịu trách nhiệm phối hợp bảo đảm lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước sau khi được cho phép.

			Việc áp dụng cơ chế này phải bảo đảm không thay thế hoặc hạn chế thẩm quyền đã được Luật giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 3. Về lý do lựa chọn phương án quy định tại dự thảo Nghị định Trước khi thực hiện phân cấp, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. Điều 32 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP chuyển nhiệm vụ chủ trì, phối hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ từ Bộ Công Thương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Dự thảo Nghị định lựa chọn phương án sửa đổi trực tiếp khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP nhằm đưa cơ chế phân cấp vào văn bản quy định về hoạt động thương mại biên giới, bảo đảm tính ổn định, liên tục sau khi quy định phân cấp tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP hết hiệu lực. Phương án này tiếp tục phát huy tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý hoạt động thương mại biên giới, đồng thời duy trì cơ chế phối hợp

			với các bộ, ngành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đặc thù.
Tính thống nhất của thuật ngữ trong dự thảo Nghị định.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị thuyết minh cụ thể việc bổ sung cụm từ "trên địa bàn tỉnh" so với Điều 32 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; đồng thời rà soát cách sử dụng các thuật ngữ "cửa khẩu phụ", "lối mở biên giới", "địa điểm khác" với thuật ngữ tại Luật Quản lý ngoại thương và pháp luật về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền để bảo đảm thống nhất, không phát sinh khoảng trống hoặc xung đột trong áp dụng.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung thuyết minh làm rõ việc sử dụng cụm từ "trên địa bàn tỉnh" nhằm xác định phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời rà soát, thống nhất các thuật ngữ "cửa khẩu phụ", "lối mở biên giới" và "địa điểm khác" với Luật Quản lý ngoại thương và pháp luật về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tránh chồng chéo trong quá trình áp dụng.
Các ý kiến khác			
Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương	Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
	Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh Cao Bằng	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý, số hiệu, tên gọi, năm ban hành và tình trạng hiệu lực của các văn bản được viện dẫn trong hồ sơ; trong đó lưu ý Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, cập nhật căn cứ pháp lý, số hiệu, tên gọi, năm ban hành và tình trạng hiệu lực của các văn bản được viện dẫn, bảo đảm tính chính xác, thống nhất và đồng bộ giữa Tờ trình, Báo

		và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, bảo đảm thống nhất giữa Tờ trình, Báo cáo tổng kết, dự thảo Nghị định và Bản so sánh, thuyết minh	cáo tổng kết, dự thảo Nghị định và Bản so sánh, thuyết minh.
	Bộ Quốc phòng	Đối với dự thảo Báo cáo (phần tiêu đề), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bỏ cụm từ "sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định", viết lại như sau "Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới"	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh như sau: "Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới"
Tính hợp pháp, thống nhất của dự thảo Nghị định	Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ	Đề nghị Bộ Công Thương rà soát kỹ để đảm bảo dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 và thống nhất với Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại cũng như các Nghị định hướng dẫn, quy định chi tiết, tổ chức thi hành các Luật nêu trên.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý các quy định về phân cấp tại dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định có liên quan tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.
Tính hợp pháp, thống nhất của dự thảo Nghị định	Bộ Ngoại giao	Đối soát các nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định hiện hành (liên quan đến hoạt động thương mại biên giới), trong đó có dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, đối chiếu các nội dung của dự thảo Nghị định với các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động thương mại biên giới và dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý

		chợ	chợ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên	Bộ Tư pháp	Đề nghị Bộ Công Thương rà soát dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan, trong đó có cam kết tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát và nhận thấy các quy định tại dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế có liên quan của Việt Nam trong khuôn khổ WTO, ASEAN, WCO và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.
Về phạm vi sửa đổi, bổ sung	Tỉnh Cao Bằng	Dự thảo Nghị định hiện tập trung sửa đổi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, qua rà soát Nghị định số 14/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2024/NĐ-CP cho thấy còn một số quy định không còn phù hợp với pháp luật hiện hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát tổng thể Nghị định số 14/2018/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát tổng thể Nghị định số 14/2018/NĐ-CP và bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và cơ cấu tổ chức của Chính phủ.
Về phạm vi sửa đổi, bổ sung	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát phạm vi nội dung dự kiến sửa đổi tại khoản 3 Điều 6. Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương quy định hoạt động thương mại biên giới được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính và, trong trường hợp khác, qua "cửa	- Quy định về các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP xuất phát từ yêu cầu quản lý thực tiễn đối với các địa điểm thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu đã hình thành trước khi Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 14/2018/NĐ-

		khẩu khác, nơi mở ra cho qua lại biên giới" khi đáp ứng điều kiện theo điều ước quốc tế và pháp luật có liên quan. Vì vậy, việc dự thảo sử dụng khái niệm "các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới" cần được làm rõ và chỉnh lý để không tạo thêm một loại địa điểm thực hiện thương mại biên giới vượt ra ngoài phạm vi Luật quy định; đồng thời cần làm rõ mối quan hệ giữa thẩm quyền dự kiến giao Thủ tướng Chính phủ tại khoản 3 Điều 6 với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới được quy định trực tiếp tại khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương.	CP được ban hành. Cụ thể, thành phố Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2014 công bố nhiều điểm xuất hàng, điểm thông quan trong các khu kinh tế cửa khẩu, như Km3+Km4, Đại Vai, Lục Chắn thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; các điểm xuất hàng tại khu vực Mốc 1342+300 m, Mốc 1344(2)+500 m thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh và các điểm Nà Kép, Mốc 1306, Mốc 1326 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn. Việc tiếp tục quy định đối với các địa điểm này nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động thương mại biên giới phát sinh trong thực tiễn, không nhằm hình thành thêm loại hình cửa khẩu mới. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại các địa điểm nêu trên phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định. - Khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới trong việc quyết định, công bố danh mục các cửa

			khẩu khác và nơi mở ra cho qua lại biên giới được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới. Trong khi đó, cơ chế báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP được quy định đối với các địa điểm khác không phải cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, nhằm giải quyết các trường hợp đặc thù phát sinh trong thực tiễn. Dự thảo Nghị định kế thừa cơ chế này và quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép, phù hợp với định hướng phân cấp tại Điều 32 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. Việc này nhằm phân định trách nhiệm xử lý các trường hợp đặc thù, không thay thế thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các địa điểm thuộc phạm vi khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương.
Khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh Cao Bằng	Khoản 3 Điều 3 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2024/NĐ-CP vẫn sử dụng cụm từ "xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị hành chính tương đương"; khoản 4 Điều 3 sử dụng cụm từ "xã, phường, thị trấn hoặc khu vực địa giới hành chính tương đương". Theo khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đơn vị	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo hướng thống nhất sử dụng thuật ngữ "đơn vị hành chính cấp xã", bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

		hành chính cấp xã gồm xã, phường, đặc khu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi các quy định nêu trên theo hướng sử dụng thống nhất cụm từ "đơn vị hành chính cấp xã" để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện nay và bảo đảm tính ổn định của quy định. Cụ thể: - Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau: "Cư dân biên giới thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền." - Tại khoản 4 Điều 3 đề nghị thay cụm từ "xã, phường, thị trấn hoặc khu vực địa giới hành chính tương đương" bằng "đơn vị hành chính cấp xã"	
Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Thành phố Quảng Ninh	Theo Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ về hoạt động thương mại biên giới và Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, hoạt động thanh toán trong thương mại biên giới được thực hiện theo ba phương thức: (i) thanh toán qua ngân hàng; (ii) thanh toán bằng tiền mặt; và (iii) thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, phần chênh lệch được thanh toán qua ngân hàng. Tuy nhiên,	Các nội dung đề xuất về thanh toán QR liên quốc gia, quản lý điểm chấp nhận thanh toán, xác thực điện tử đối với giao dịch thanh toán bù trừ và chia sẻ dữ liệu với cơ quan hải quan thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành về ngân hàng, quản lý ngoại hối, thanh toán và hải quan. Việc tổ chức triển khai các phương thức thanh toán điện tử, quản lý các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và xác thực giao dịch cần thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thẩm quyền của

		Thông tư số 17/2025/TT-NHNN ngày 30/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2018/TT-NHNN) đã bãi bỏ cơ chế thanh toán bằng tiền mặt bằng đồng Việt Nam hoặc Nhân dân tệ trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc kể từ ngày 15/9/2025. Thực tế tại các địa phương biên giới, hoạt động thương mại biên giới không chỉ bao gồm giao dịch xuất nhập khẩu giữa thương nhân mà còn phát sinh thường xuyên các giao dịch mua bán của khách du lịch, khách thương mại Trung Quốc, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới và giao dịch của các hộ kinh doanh trong khu kinh tế cửa khẩu. Việc chấm dứt thanh toán tiền mặt là cần thiết để tăng cường quản lý ngoại hối, nhưng đồng thời phát sinh khoảng trống về phương thức thanh toán thuận tiện cho các giao dịch giá trị nhỏ, tần suất cao tại khu vực cửa khẩu. Như vậy, rất cần có cơ chế thanh toán điện tử có kiểm soát, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước vừa tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại biên giới. Do dó, đề nghị bổ sung quy định giao Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, trên cơ sở thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan, được lựa chọn phạm vi	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng các cơ quan có liên quan. Do đó, không bổ sung các cơ chế nêu trên tại dự thảo Nghị định; việc nghiên cứu, triển khai thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và thẩm quyền của các cơ quan có liên quan. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, được sửa đổi tại Nghị định số 122/2024/NĐ-CP, đã giới hạn thanh toán bằng tiền mặt đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

		triển khai, xác định khu vực áp dụng và quản lý danh sách các điểm chấp nhận thanh toán QR liên quốc gia tại khu kinh tế cửa khẩu, cửa khẩu quốc tế, chợ cửa khẩu và các khu vực thương mại biên giới. Các điểm chấp nhận thanh toán thực hiện kết nối thông qua ngân hàng hoặc tổ chức trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước cấp phép, bảo đảm toàn bộ giao dịch được xử lý qua hệ thống ngân hàng Việt Nam để kiểm soát ngoại hối, quản lý thuế, phòng, chống rửa tiền và minh bạch dòng tiền trong hoạt động thương mại biên giới. Đồng thời, xem xét bổ sung cơ chế xác thực giao dịch thanh toán bù trừ giữa hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu. Các Doanh nghiệp được kê khai giao dịch bù trừ trên hệ thống điện tử, ngân hàng xác nhận giá trị đã bù trừ và phần chênh lệch thanh toán qua tài khoản theo quy định, cơ quan Hải quan sử dụng dữ liệu xác thực điện tử làm căn cứ kiểm tra, hậu kiểm, thay thế việc xuất trình nhiều chứng từ thanh toán. Cơ chế này vừa bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối, vừa rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí tuân thủ và phù hợp với đặc thù giao dịch tại các địa phương biên giới, đặc biệt trong mô hình Cửa khẩu thông minh Móng Cái – Đông Hưng.	

Điều 17 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh Hà Tĩnh, Tỉnh Cao Bằng	Đối với Điều 17 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP về hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới: Hiện nay, Điều 17 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới quy định thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP. Tuy nhiên, các văn bản này đã được thay thế bởi Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Do đó, nội dung dẫn chiếu tại Điều 17 hiện không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thiết lập, tổ chức và quản lý hoạt động chợ biên giới. Đối với các chợ biên giới tại các tỉnh giáp Trung Quốc, hiện đã có Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 19/9/2017 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quy định về khu (điểm) chợ biên giới tại Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tuy nhiên, đối với các chợ biên giới tại các tỉnh giáp Lào	Hiện nay, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Trong đó, dự thảo quy định hướng dẫn cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục thiết lập, tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, đồng thời bãi bỏ Chương IV (Chợ biên giới) Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.

		và Campuchia, hiện chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thiết lập, tổ chức và quản lý hoạt động chợ biên giới, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương. Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục thiết lập, tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, bảo đảm phù hợp với đặc thù của từng tuyến biên giới và tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các địa phương triển khai thực hiện.	
Điều 20 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh Cao Bằng	Về Điều 20 - Quy định về thuế, phí, lệ phí đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới Điều 20 hiện liệt kê "lệ phí môn bài", tuy nhiên, khoản 7 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội quy định chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01/01/2026. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi Điều 20; đồng thời cân nhắc quy định theo hướng khái quát để bảo đảm ổn định khi chính sách thuế, phí, lệ phí thay đổi, chẳng hạn: "Thương nhân, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại chợ biên giới thực hiện nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.".	Hiện nay, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. Trong đó, dự thảo quy định hướng dẫn cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục thiết lập, tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, đồng thời bãi bỏ Chương IV (Chợ biên giới) Nghị định số 14/2018/NĐ-CP.
Khoản 3 Điều	Tỉnh An Giang,	khoản 3 Điều 21 Nghị định số 14/2018/NĐ-	Khoản 3 Điều 21 Nghị định số

21 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	tỉnh Đồng Tháp	CP: Đề nghị bổ sung nội dung đối với phương tiện vận tải Việt Nam giống như phương tiện vận tải nước ngoài giao nhận hàng tại Việt Nam, không phải khai tờ khai: - Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới không phải khai tờ khai hải quan. - Thời hạn đối với phương tiện vận tải của Việt Nam xuất cảnh qua cửa khẩu, lối mở biên giới để giao nhận hàng hóa thực hiện theo thỏa thuận của UBND tỉnh chung đường biên giới tùy theo tình hình thực tế tại địa phương nhưng không quá 72 giờ. - Do phương tiện vận tải Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới, nhưng không quy định rõ có phải khai trên tờ khai hay không. - Việc cho phép phương tiện vận tải xuất cảnh tối đa 72 giờ nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương tỉnh An Giang, Đồng Tháp, đảm bảo thời gian để giao nhận hàng hóa.	14/2018/NĐ-CP quy định về phương tiện vận tải của Việt Nam và nước có chung biên giới được đi qua cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định của Nghị định để vận chuyển hàng hóa. Việc thực hiện thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh đối với phương tiện vận tải, trong đó có nội dung khai hải quan, thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về hải quan và pháp luật có liên quan. Do đó, việc bổ sung tại Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định phương tiện vận tải của Việt Nam không phải khai tờ khai hải quan có thể dẫn đến chồng chéo, không thống nhất với pháp luật chuyên ngành về hải quan. Đối với đề nghị quy định thời hạn phương tiện vận tải của Việt Nam xuất cảnh qua cửa khẩu, lối mở biên giới để giao, nhận hàng hóa không quá 72 giờ và giao Ủy ban nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới thỏa thuận thời hạn cụ thể, nội dung này liên quan đến quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của phương tiện vận tải qua biên giới và việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vận tải qua biên giới có liên quan. Vì vậy, việc quy định một thời hạn chung và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thỏa thuận tại Nghị định này cần bảo đảm phù hợp với pháp luật chuyên ngành và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

			có liên quan. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 122/2024/NĐ-CP); việc thực hiện thủ tục và thời hạn đối với phương tiện vận tải Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về vận tải và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan.
Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp	Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP: Đề nghị bổ sung các văn bản thỏa thuận giữa UBND tỉnh có chung đường biên giới. Lý do: Tùy tình hình thực tế của từng địa phương, UBND tỉnh có thể chủ động thỏa thuận về thời hạn xuất nhập cảnh của phương tiện vận tải, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại biên giới tại địa phương.	Việc xuất cảnh, nhập cảnh và thời hạn lưu hành của phương tiện vận tải qua biên giới phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định có liên quan. Đối với các văn bản thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới của Việt Nam với chính quyền địa phương có chung đường biên giới của nước láng giềng, việc ký kết và thực hiện phải bảo đảm đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật về thỏa thuận quốc tế; không làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ hoặc quy định khác với pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế có liên quan.

			Do đó, việc bổ sung chung "các văn bản thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân tỉnh có chung đường biên giới" làm căn cứ xác định thời hạn xuất cảnh, nhập cảnh của phương tiện vận tải tại khoản 5 Điều 21 là chưa phù hợp, có thể dẫn đến cách hiểu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thỏa thuận về những nội dung vượt quá phạm vi thẩm quyền.
Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp	Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP: Đề xuất bổ sung nội dung sau: - Phương tiện vận tải qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa tại khu vực cửa khẩu, sau đó quay trở về trong ngày và được phép gia hạn lưu trú không quá 72 giờ kể từ khi xuất cảnh, nhập cảnh, thì không phải nộp hồ sơ làm thủ tục hải quan, nhưng phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định pháp luật về hải quan. - Chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải, người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền (chủ hàng hoặc đại lý hải quan được chủ hàng ủy quyền) xuất trình giấy tờ tùy thân, thực hiện khai báo phương tiện, thông tin trước hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan. - Trường hợp vận chuyển hàng hóa đi sâu vào nội địa thì phải thực hiện theo các quy	Nội dung đề nghị bổ sung liên quan đến hồ sơ, thủ tục hải quan, khai báo, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về hải quan. Pháp luật về hải quan đã quy định cụ thể về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Do đó, việc quy định tại Nghị định này trường hợp phương tiện vận tải "không phải nộp hồ sơ làm thủ tục hải quan" có thể dẫn đến chồng chéo, không thống nhất với pháp luật chuyên ngành về hải quan. Đối với đề nghị quy định phương tiện vận tải qua lại biên giới để giao, nhận hàng hóa tại khu vực cửa khẩu được quay trở về trong ngày và được gia hạn lưu trú không quá 72 giờ, thời hạn hoạt động của phương tiện vận tải qua biên giới phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và

		định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa Lý do: Việc cho phép phương tiện vận tải xuất cảnh tối đa 72 giờ nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương tỉnh An Giang, Đồng Tháp, đảm bảo thời gian để giao nhận hàng hóa.	các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vận tải qua biên giới mà Việt Nam và nước có chung biên giới là thành viên. Việc quy định thống nhất thời hạn 72 giờ tại Nghị định này chỉ để đáp ứng tình hình thực tế tại một số địa phương có thể chưa phù hợp với đặc điểm, cơ chế quản lý và các thỏa thuận về vận tải qua biên giới áp dụng đối với từng tuyến biên giới. Đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa đi sâu vào nội địa, việc thực hiện theo các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và quy định của pháp luật có liên quan đã thuộc trách nhiệm tuân thủ của tổ chức, cá nhân; do đó không cần thiết quy định lại tại Nghị định này.
Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Bộ Tài chính	Qua rà soát quy định tại Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới về nội dung quản lý phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh; và các quy định tại Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia và quy định tại Luật Hải quan, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Bộ Tài chính nhận thấy: 1. Quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam -	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã bổ sung quy định sửa đổi khoản 4 Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo đề xuất của Bộ Tài chính.

		Lào và Việt Nam - Campuchia. Tại các Hiệp định đều quy định: Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết sẽ cấp giấy phép cho từng phương tiện vận tải để thực hiện vận tải hàng hóa, hành khách qua lại biên giới giữa hai nước theo mẫu giấy phép được hai Bên ký kết thống nhất. Phương tiện vận tải đường bộ khi thực hiện vận chuyển hàng hóa, hành khách qua cửa khẩu biên giới thì thủ tục qua lại cửa khẩu (bao gồm thủ tục hải quan,...) phải thực hiện theo các hiệp định song phương hoặc đa phương mà hai Bên ký kết hoặc tuân thủ theo pháp luật và các quy định liên quan của mỗi Bên ký kết. 2. Quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh: Theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan thì các phương tiện vận tải cơ giới tham gia vận tải hàng hóa, hành khách qua biên giới phải làm thủ tục hải quan xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.	

		3. Quy định việc quản lý xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện của nước có chung biên giới tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ, hiện nay đang quy định: "Phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam để giao nhận hàng hóa sau đó quay về nước ngay trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới trong ngày không phải kê khai tờ khai hải quan và nộp hồ sơ phương tiện vận tải nhưng chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu". Như vậy, việc quy định phương tiện vận tải của nước có chung biên giới không phải thực hiện làm thủ tục hải quan như nội dung tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP dẫn trên chưa đảm bảo theo đúng quy định tại Hiệp định với các nước có chung biên giới, chưa phù hợp với quy định tại Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. Do đó, Bộ Tài chính kiến nghị Bộ Công Thương rà soát, sửa đổi, bổ sung quy	

		định về quản lý phương tiện vận tải của nước có chung biên giới tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới theo đúng quy định tại các Hiệp định vận tải với các nước có chung biên giới và đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Hải quan, cụ thể như sau: "4. Việc quản lý phương tiện của nước có chung biên giới xuất nhập cảnh qua biên giới để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật."	
Điều 24 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP	Tỉnh Cao Bằng, Tỉnh Hà Tĩnh	Khoản 4 Điều 24 hiện quy định trách nhiệm của "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn", khoản 6 Điều 24 quy định trách nhiệm của "Bộ Giao thông vận tải". Tuy nhiên, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy Chính phủ, chức năng, nhiệm vụ tương ứng hiện thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Xây dựng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi tên cơ quan tại các khoản này; đồng thời rà soát nội dung nhiệm vụ, quyền hạn	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh lý Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo hướng cập nhật tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành có liên quan và trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

		được giao để bảo đảm phù hợp với Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát toàn bộ Điều 23, Điều 24 và Điều 25 để cập nhật tên cơ quan, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.	
Tính thống nhất của thuật ngữ trong dự thảo Nghị định	VCCI	Dự thảo sử dụng thuật ngữ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 3 Điều 6 được sửa đổi. Trong khi đó, các điều khoản còn lại của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP không thuộc phạm vi sửa đổi lần này vẫn giữ nguyên thuật ngữ "Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới", cụ thể tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, Điều 23, Điều 24 và Điều 25. Kết quả là ngay trong cùng một Điều 6 sẽ tồn tại song song hai cách gọi khác nhau về cùng một chủ thể: khoản 2 gọi là "Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới", còn khoản 3 gọi là "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh". Ngoài ra, thuật ngữ "tỉnh biên giới" cũng gặp đúng hạn chế đã phân tích ở trên, đó là chưa bao quát được các thành phố	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý các quy định có liên quan tại Nghị định số 14/2018/NĐ-CP theo hướng thống nhất sử dụng thuật ngữ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới", bảo đảm phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và cơ cấu đơn vị hành chính hiện nay.

		trực thuộc trung ương có đường biên giới đất liền sau sắp xếp đơn vị hành chính. Vì vậy, VCCI kính đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc bổ sung vào Dự thảo một điều khoản quy định việc thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới" tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP, qua đó bảo đảm toàn bộ Nghị định sử dụng thống nhất một thuật ngữ duy nhất để chỉ chủ thể có thẩm quyền và đồng bộ với Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.	
Về quy trình, trách nhiệm phối hợp và điều kiện bảo đảm thực hiện hoạt động thương mại biên giới	Tỉnh Gia Lai	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ trong dự thảo hoặc hồ sơ thuyết minh về cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND cấp tỉnh; quy định cụ thể thành phần, nội dung báo cáo và trình tự, thời hạn và phạm vi phối hợp với bộ, ngành liên quan trước và sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến; tiêu chí xác định việc bảo đảm đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành và điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước	Dự thảo Nghị định đã xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép. Việc xác định cơ quan đầu mối tham mưu, thành phần, nội dung báo cáo, trình tự, thời hạn phối hợp và các điều kiện bảo đảm lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phụ thuộc vào tính chất, yêu cầu quản lý và điều kiện thực tế của từng địa phương, đồng thời được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. Do đó, không cần thiết quy định cụ thể các nội dung này tại dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện.